

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 131/2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương
đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền
vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2026 - 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành
Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số
8216/SNNMT-PTNT ngày 17 tháng 7 năm 2026, Tờ trình số 637/TTr-SNNMT
ngày 08 tháng 7 năm 2026 và Báo cáo số 945/BC-SNNMT ngày 08 tháng 7 năm
2026; thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 415/BC-STP ngày 06 tháng 7
năm 2026 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn
mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng
Ngãi.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới
hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có
liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu Lý Sơn (sau đây gọi chung là Ủy ban
nhân dân các xã) trong quá trình triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn
mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng
Ngãi.

**Điều 2. Quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện
đại giai đoạn 2026 - 2030**

1. Quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương liên quan và chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành hướng dẫn và triển khai thực hiện đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Thẩm định, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách; thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan đơn đốc Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại nêu trên, phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã

a) Căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và hướng dẫn của các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, chủ động rà soát đánh giá mức độ đạt được đối với các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn xã; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp theo lộ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội hằng năm tổ chức phối hợp giám sát việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, đa dạng các hình thức tuyên truyền về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh; Trưởng Thống kê tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng chuyên môn, TTHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT(tnh273).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tâm Hiển



Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	- Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch chung đô thị đảm bảo tuân thủ pháp luật quy hoạch đô thị và nông thôn. - Nội dung công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.			Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	- Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới đảm bảo tuân thủ pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. - Có Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chung xã được cấp thẩm quyền phê duyệt. - Nội dung quy hoạch chi tiết quy định tại Điều 26 và Điều 30 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.		Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	- Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho các đô thị và điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo tuân thủ pháp luật về kiến trúc. - Có Quy chế quản lý đô thị hoặc Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn.		Không quy định	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				- Nội dung Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.			
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa; - Có 100% đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có 100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm.	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt; - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt; - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
					thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì.	nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm.	
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$; có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị.	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$; có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực đạt tỷ lệ $\geq 30\%$.	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 50\%$.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$	Sở Công Thương
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	Có chợ phù hợp với quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn đánh giá chợ kinh doanh thực phẩm hoặc Có chợ phù hợp với quy hoạch và có ít nhất một	Có chợ phù hợp với quy hoạch hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
					khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên		
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	- 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất; và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. - Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.			Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	$\geq 9,5\%$			Thống Kê tỉnh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 01 mô hình	≥ 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả; hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển	≥ 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả; hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	≥ 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				kinh tế - xã hội của địa phương.		phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.	
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030. - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên. - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 – 2030. - Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn. - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và	Đạt	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương		hàng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).		hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hàng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).	
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥01	Không quy định	≥01	≥01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	≥60%	≥50%	≥40%	Hội Nông dân tỉnh
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	≥ 01	≥ 01	≥ 01	Các sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính hướng dẫn thực hiện theo lĩnh vực quản lý ngành
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$	Sở Nội vụ
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	a) Cơ sở vật chất văn hóa: đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định. b) Hoạt động văn hóa cơ sở: - Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã có từ 02-04 câu lạc bộ, tổ chức 06-08 hoạt động/năm; - Thư viện xã tổ chức phục vụ bạn đọc từ 03 ngày/tuần, tổ chức từ 04 hoạt động/năm; tỷ lệ thôn có mô hình thư viện phục vụ cộng đồng đạt $\geq 75\%$; - Tỷ lệ hộ gia đình và người	a) Cơ sở vật chất văn hóa: đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định. b) Hoạt động văn hóa cơ sở: - Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã có từ 02-04 câu lạc bộ, tổ chức 05-07 hoạt động/năm; - Thư viện xã tổ chức phục vụ bạn đọc từ 03 ngày/tuần, tổ chức từ 03 hoạt động/năm; tỷ lệ thôn có mô hình thư viện	a) Cơ sở vật chất văn hóa: đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định. b) Hoạt động văn hóa cơ sở: - Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã có ≥ 02 câu lạc bộ, tổ chức 04-06 hoạt động/năm; - Thư viện xã tổ chức phục vụ bạn đọc từ 03 ngày/tuần, tổ chức từ 02 hoạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt từ 35% và 45%. c) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở: - 100% lễ hội truyền thống được bảo tồn; tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa từ 84%; - Có mô hình phòng chống bạo lực gia đình; số vụ bạo lực gia đình được phát hiện, giải quyết đạt $\geq 98\%$. d) Về di sản văn hóa: - Công tác di sản được thực hiện đúng quy định; cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa được tập huấn, bồi dưỡng hàng năm đạt $\geq 85\%$; - $\geq 95\%$ di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục Quốc gia (nếu có), 50% di sản văn hóa phi vật thể nằm trong danh mục kiểm kê của UBND tỉnh được thực hành thường xuyên. đ) Về chuyển đổi số, dữ liệu số: - $\geq 95\%$ Hồ sơ quản lý lãnh	phục vụ cộng đồng đạt $\geq 75\%$; - Tỷ lệ hộ gia đình và người dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt từ 35% và 45%. c) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở: - 100% lễ hội truyền thống được bảo tồn; tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa từ 80%; - Có mô hình phòng chống bạo lực gia đình; số vụ bạo lực gia đình được phát hiện, giải quyết đạt $\geq 95\%$. d) Về di sản văn hóa: - Công tác di sản được thực hiện đúng quy định; cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa được tập huấn, bồi dưỡng hàng năm đạt $\geq 75\%$; - $\geq 85\%$ di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục Quốc gia (nếu có),	động/năm; tỷ lệ thôn có mô hình thư viện phục vụ cộng đồng đạt $\geq 70\%$; - Tỷ lệ hộ gia đình và người dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt từ 30% và 40%. c) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở: - 100% lễ hội truyền thống được bảo tồn; tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa từ 70%; - Có mô hình phòng chống bạo lực gia đình; số vụ bạo lực gia đình được phát hiện, giải quyết đạt $\geq 93\%$. d) Về di sản văn hóa: - Công tác di sản được thực hiện đúng quy định; cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa được tập huấn, bồi dưỡng	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				vực văn hóa, nghệ thuật được số hóa. - Có chuyên mục hoặc trang thông tin điện tử về văn hóa, nghệ thuật trên cổng/trang thông tin điện tử của xã hoặc nền tảng số dùng chung của địa phương, cập nhật thông tin tối thiểu 01 lần/tháng. - Ứng dụng nền tảng số trong tuyên truyền, phổ biến hoạt động văn hóa, nghệ thuật. e) Về nhân lực quản lý văn hóa: đảm bảo theo quy định.	50% di sản văn hóa phi vật thể nằm trong danh mục kiểm kê của UBND tỉnh được được thực hành thường xuyên. đ) Về chuyên đổi số, dữ liệu số: - $\geq 85\%$ Hồ sơ quản lý lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được số hóa. - Có chuyên mục hoặc trang thông tin điện tử về văn hóa, nghệ thuật trên cổng/trang thông tin điện tử của xã hoặc nền tảng số dùng chung của địa phương, cập nhật thông tin tối thiểu 01 lần/tháng. - Ứng dụng nền tảng số trong tuyên truyền, phổ biến hoạt động văn hóa, nghệ thuật. e) Về nhân lực quản lý văn hóa: đảm bảo theo quy định.	hàng năm đạt $\geq 70\%$; - $\geq 75\%$ di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục Quốc gia (nếu có), 50% di sản văn hóa phi vật thể nằm trong danh mục kiểm kê của UBND tỉnh được được thực hành thường xuyên. đ) Về chuyên đổi số, dữ liệu số: - $\geq 75\%$ Hồ sơ quản lý lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được số hóa. - Có chuyên mục hoặc trang thông tin điện tử về văn hóa, nghệ thuật trên cổng/trang thông tin điện tử của xã hoặc nền tảng số dùng chung của địa phương, cập nhật thông tin tối thiểu 01 lần/tháng. - Ứng dụng nền tảng số trong tuyên	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
						truyền, phổ biến hoạt động văn hóa, nghệ thuật. e) Về nhân lực quản lý văn hóa: đảm bảo theo quy định.	
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia đạt $\geq 90\%$; - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt $\geq 90\%$; - Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục	- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia đạt $\geq 80\%$; - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt $\geq 85\%$; - Tỷ lệ học sinh hoàn	- Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia đạt $\geq 70\%$; - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt $\geq 90\%$; - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số; - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt $\geq 85\%$; - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số; - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	cấp trung học phổ thông và tương đương đạt $\geq 80\%$; - Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt $\geq 80\%$; - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số; - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
6	Giảm nghèo và An sinh	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$	$\leq 13\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	$\geq 75\%$	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí xã hội	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				Việc đánh giá nhà ở kiên cố theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng.			
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 80\%$ (trong đó $\geq 10\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 70\%$ (trong đó $\geq 5\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 40\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	- Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở xã. Nữ lãnh đạo ở xã bao gồm: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở xã giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 25% trở lên; - Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực...) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia; - Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ; - Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp; - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.			Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	$\geq 90\%$ số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp			Sở Y tế

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Có 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng đáp ứng điều kiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; có cung cấp hoặc hỗ trợ tiếp cận một số dịch vụ số phù hợp với chức năng của điểm bưu chính và điều kiện thực tế của địa phương, phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa bàn.			Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ đạt tỷ lệ $\geq 95\%$; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ đạt tỷ lệ $\geq 85\%$; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ;	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ đạt tỷ lệ $\geq 70\%$; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 95\%$; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 95\%$.	- Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 85\%$.	lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt $\geq 70\%$.	
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	≥02 mô hình	≥01 mô hình	Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	Sở Xây dựng
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các	Đạt	- Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%. Có	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%. Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường		thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên; - Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên		
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn thực hiện theo lĩnh vực quản lý ngành
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$					
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động		An ninh, trật tự được bảo đảm. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng và điều kiện hoạt động.			Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Phụ lục II
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI
GIẢI ĐOẠN 2026-2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 131/2026/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Là xã đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, bao gồm:

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
1	Hạ tầng số và năng lượng	1.1. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chí mô hình thôn thông minh	$\geq 60\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
		1.2. Tỷ lệ công trình công cộng (trụ sở UBND xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa) được lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo	$\geq 50\%$	Sở Công Thương
2	Nông nghiệp thông minh và kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế số nông thôn	2.1. Có mô hình nông nghiệp thông minh hoặc kinh tế số nông thôn do hợp tác xã hoặc doanh nghiệp vận hành (khuyến khích mô hình có sự tham gia của thanh niên và phụ nữ)	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 70\%$	Hội Nông dân tỉnh
		2.3. Có hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng dữ liệu số trong sản xuất - kinh doanh (theo dõi dữ liệu về thời tiết, đất đai, giống, dịch bệnh, thị trường, ...)	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.4. Có mô hình Trạm Y tế ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, khám và chữa bệnh	Đạt	Sở Y tế
		2.5. Có mô hình Trường học ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động dạy, học, quản lý, điều hành	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.6. Có di sản văn hóa (nếu có) và các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ tiêu biểu, đặc trưng của xã được tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá trên các trang thông tin điện tử hoặc cơ quan báo, đài của địa phương	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
3	Đào tạo nguồn nhân lực và an sinh xã hội	3.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 45\%$	Sở Nội vụ
		3.2. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 1,5\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.3. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn an toàn, tiện nghi	$\geq 30\%$	Sở Xây dựng
		3.4. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.5. Có mô hình hỗ trợ thanh niên, phụ nữ, người yếu thế tham gia lao động, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Đạt	Sở Nội vụ
		3.6. Có các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương trong tiếp cận dịch vụ và cơ hội phát triển	Đạt	
4	Môi trường, cảnh quan và văn hóa	4.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		4.2. Có mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn hoặc giảm phát thải	Đạt	
		4.3. Môi trường sống nông thôn an toàn, lành mạnh; không có điểm nóng về ô nhiễm môi trường	Đạt	
		4.4. Hệ thống đường làng, ngõ xóm, khu dân cư được chỉnh trang đồng bộ, bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt	
		4.5. Có không gian xanh công cộng (cây xanh, mặt nước, khu sinh hoạt ngoài trời) phục vụ cộng đồng	Đạt	
		4.6. Đổi mới, đa dạng hóa hình thức phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển văn hóa thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, phương thức truyền thông mới đa nền tảng, đa phương tiện	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.7. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được tặng danh hiệu “thôn, tổ dân phố văn hoá”	$\geq 85\%$	
5	Quản trị hiện đại và an ninh trật tự	5.1. Chính quyền xã quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống dữ liệu số phục vụ điều hành, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
		5.2. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
		5.3. Hệ thống trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn xã được đầu tư và vận hành theo hướng hiện đại, hỗ trợ giám sát, cảnh báo và phản ứng kịp thời	Đạt	Công an tỉnh
		5.4. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự được triển khai theo mô hình an ninh cộng đồng hiện đại, có sự tham gia của người dân thông qua các cơ chế và kênh phản ánh phù hợp, hiệu quả	Đạt	
		5.5. Lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Đạt	